Người ký: Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa
Email: ytnh.syt@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Sở Y tế, Tỉnh Khánh Hòa
Thời gian ký: 11.02.2019 15:54:35 +07:00

SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ NINH HÒA
Số: 21../QĐ-YTNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Hòa, ngày 01 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ NINH HÒA

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 vủa Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa trên cơ sở sáp nhập Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình thị xã Ninh Hòa vào Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa.

Điều 2. Trưởng phòng Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Đăng Wesite, mục VBTT;
- Lưu:VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ NINH HÒA

Trịnh Tiến Khoa

Đơn vị: Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa
Chương: 423

Biểu số 2 (Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Quyết định số 21../QĐ-YTNH ngày 01 /02/2019 của Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hò

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**34.382.050.000**
1	Kinh phí hoạt động trạm và phân trạm	18.881.000.000
2	Kinh phí Y tế thôn bản	1.311.050.000
3	Kinh phí hợp đồng 68	1.364.000.000
4	Kinh phí cải cách tiền lương	3.257.000.000
5	Kinh phí hoạt động Bệnh viện, phòng khám	2.772.000.000
6	Kinh phí cải cách tiền lương Bệnh viện, phòng k	308.000.000
7	Kinh phí hoạt động Y tế dự phòng	1.889.000.000
8	Kinh phí phòng chống dịch	153.000.000
9	Kinh phí cải cách tiền lương Y tế dự phòng	316.000.000
10	Kinh phí hoạt động Bà mẹ trẻ em	1.154.000.000
11	Kinh phí cải cách tiền lương Bà mẹ trẻ em	28.000.000
12	Kinh phí hoạt động Khoa Dân số	2.649.600.000
13	Kinh phí cải cách tiền lương Khoa Dân số	299.400.000
II	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**1.134.500.000**
1	Kinh phí hỗ trợ Nghị quyết 17/2010	307.000.000
2	Kinh phí lễ tết	592.400.000
3	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn bệnh nhân	114.000.000
4	Bảo hiểm cháy nổ	70.000.000
5	Kinh phí thực hiện đề án 1816	5.000.000
7	Kinh phí nha học đường	14.500.000
8	Kinh phí chăm sóc sức khỏe bà mẹ	31.600.000